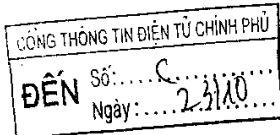


CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 96/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2014



NGHỊ ĐỊNH

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền gửi ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Các công cụ chuyển nhượng ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bao gồm:

a) Vi phạm quy định về quản lý và sử dụng giấy phép;

- b) Vi phạm quy định về tổ chức, quản trị, điều hành;
- c) Vi phạm quy định về cổ phần, cổ phiếu;
- d) Vi phạm quy định về huy động vốn và phí cung ứng dịch vụ;
- đ) Vi phạm quy định về cấp tín dụng, nhận ủy thác, ủy thác và hoạt động liên ngân hàng;
- e) Vi phạm quy định về hoạt động thông tin tín dụng;
- g) Vi phạm quy định về hoạt động ngoại hối và kinh doanh vàng;
- h) Vi phạm quy định về thanh toán, quản lý tiền tệ và kho quỹ;
- i) Vi phạm quy định về mua, đầu tư vào tài sản cố định và kinh doanh bất động sản;
- k) Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng;
- l) Vi phạm quy định về bảo hiểm tiền gửi;
- m) Vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền;
- n) Vi phạm quy định về chế độ thông tin, báo cáo;
- o) Vi phạm quy định về cản trở việc thanh tra, không thực hiện yêu cầu của người có thẩm quyền.

3. Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến quản lý nhà nước về tiền tệ và ngân hàng được quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ thì áp dụng quy định tại các Nghị định đó để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Hình thức xử phạt, mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp về một hoặc một số hoạt động, dịch vụ ngân hàng và một số hoạt động kinh doanh khác thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng hoặc định chỉ có thời hạn đối với một hoặc một số hoạt động ngân hàng và một số hoạt động kinh doanh khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) cấp phép có vi phạm quy định của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền:

a) Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đối với tổ chức vi phạm là 2.000.000.000 đồng và đối với cá nhân vi phạm là 1.000.000.000 đồng;

b) Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với cá nhân, trừ các trường hợp quy định đối tượng vi phạm là tổ chức. Mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân;

c) Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm khi thực hiện công việc của cá nhân thuộc quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô bằng 10% (mười phần trăm) mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này; mức phạt tiền đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô gấp đôi mức phạt tiền đối với cá nhân thuộc quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô;

d) Thẩm quyền phạt tiền của từng chức danh quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền áp dụng đối với cá nhân. Thẩm quyền phạt tiền áp dụng đối với tổ chức bằng 02 lần thẩm quyền phạt tiền áp dụng đối với cá nhân.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả được quy định cụ thể tại Chương II Nghị định này.

Chương II **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT** **VÀ MỨC PHẠT TIỀN**

Mục 1 **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG GIẤY PHÉP**

Điều 4. Vi phạm quy định về giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tên ghi trên các tài liệu, giấy tờ trong hoạt động không đúng tên ghi trong giấy phép.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo đủ các điều kiện quy định về điều kiện khai trương hoạt động quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Gian lận các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp giấy phép trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định này;

b) Cho mượn, cho thuê, mua, bán, chuyển nhượng giấy phép;

c) Tẩy xóa, sửa chữa giấy phép làm thay đổi nội dung giấy phép.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Giả mạo các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp giấy phép trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định này;

b) Hoạt động không đúng nội dung ghi trong giấy phép, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 18, Khoản 7 Điều 24, Điểm d Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 25 Nghị định này.

5. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động sau khi đã bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp đình chỉ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 59 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Điểm a Khoản 2 Điều 148 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không có giấy phép, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 24, Điểm d Khoản 2, Điểm a Khoản 4, Khoản 7 Điều 25 Nghị định này.

7. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật là giấy phép đã bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này.

8. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các Điểm a, b Khoản 3, các Khoản 4, 5 và 6 Điều này;

b) Đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi giấy phép đối với hành vi vi phạm tại Điểm a Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này;

c) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 3, 4, 5, 6 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 5. Vi phạm quy định về những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động nghiệp vụ ngân hàng khi chưa được Ngân hàng Nhà nước xác nhận.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với việc thực hiện một trong các hành vi sau đây khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:

a) Thay đổi tên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chi nhánh của tổ chức tín dụng;

b) Tạm ngừng hoạt động kinh doanh quá 01 ngày làm việc, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi mức vốn điều lệ, mức vốn được cấp khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

5. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với việc thực hiện một trong các hành vi sau đây khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản: